hàn zì

汉字

Noun · Chinese character

Example Sentences

wǒ rèn shí zhè ge hàn zì
我认识这个汉字。

I recognize this Chinese character.

wǒ měi tiān xué xí wǔ gè hàn zì
我每天学习五个汉字。

I learn five Chinese characters every day.

zhè gè hàn zì hěn nán xiě
这个汉字很难写。

This Chinese character is very difficult to write.

Trace each character, then write the word on your own.

汉 汉 汉 汉 汉 汉 汉 汉

字 字 字 字 字 字 字 字 字